

Bản án số: 28/2019/KDTM-ST

Ngày 26-11-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm
2. Bà Nguyễn Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 147/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V; Trụ sở: 89 đường L, phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số 96 đường C, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hùng Q, sinh năm: 1996 và ông Mai Hoàng N, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Tầng 2, số 96 đường C, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Văn bản ủy quyền số 22283/2019/UQ-PGĐK ngày 11/7/2019).

2. *Bị đơn:* Ông Đào Trọng H, sinh năm: 1979; Địa chỉ: 17/1 đường D, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Xuân X, sinh năm: 1987; Địa chỉ: 17/1 đường D, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 09 tháng 4 năm 2019 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP V có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hùng Q trình bày:

Căn cứ vào Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng Điện tử và vay vốn của ông Đào Trọng H ghi ngày 30/3/2016. Ngân hàng đã ký phê duyệt khoản vay của ông H vào ngày 31/3/2016. Nên ngày 31/3/2016 Ngân hàng TMCP V đã chấp nhận cho ông Đào Trọng H vay số tiền là 78.750.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất: 36%/năm, mục đích bổ sung vốn kinh doanh.

Ông H đã trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 83.071.344 đồng, trong đó: tiền gốc là 52.732.375 đồng và lãi là 30.338.969 đồng. Kể từ ngày 05/12/2017 ông H không thanh toán bất kỳ khoản nợ nào cho Ngân hàng TMCP V.

Tại Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng Điện tử và vay vốn ngày 30/3/2016 ông Đào Trọng H có cung cấp thông tin tại phần II Thông tin gia đình có vợ là bà Trần Xuân X.

Nay Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 8 xem xét giải quyết buộc ông Đào Trọng H và bà Trần Xuân X thanh toán số tiền tính đến ngày 26/11/2019 là 69.892.219 (Sáu mươi chín triệu tám trăm chín mươi hai ngàn hai trăm mười chín) đồng, trong đó: tiền gốc là 26.017.625 (Hai mươi sáu triệu không trăm mười bảy ngàn sáu trăm hai mươi lăm) đồng và lãi là 43.874.594 (Bốn mươi ba triệu tám trăm bảy mươi bốn ngàn năm trăm chín mươi bốn) đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 27/11/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng Điện tử và vay vốn; Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng Điện tử.

Bị đơn ông Đào Trọng H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Xuân X đã được Tòa án tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đương sự đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng đương sự không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại Tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp

hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông H trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 69.892.219 đồng và tiền lãi phát sinh. Không chấp nhận việc buộc bà X cùng ông H trả nợ cho Ngân hàng TMCP V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP V thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa một bên là Ngân hàng TMCP V và một bên hộ kinh doanh đại diện ông Đào Trọng H có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận; Nên xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại. Do bị đơn cư trú tại Quận 8 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 30, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn Ngân hàng TMCP V có người đại diện theo ủy quyền là ông Mai Hoàng N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Ông Đào Trọng H là bị đơn, bà Trần Xuân X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng Điện tử và vay vốn lập ghi ngày 30/3/2016, Ngân hàng đã ký phê duyệt vào ngày 31/3/2016. Nội dung thỏa thuận: Ngân hàng TMCP V cho ông Đào Trọng H vay số tiền là 78.750.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất: 36%/năm, mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Ông H đã trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 83.071.344 đồng, trong đó: tiền gốc là 52.732.375 đồng và lãi là 30.338.969 đồng. Kể từ ngày 05/12/2017 ông H không thanh toán bất kỳ khoản nợ nào cho Ngân hàng TMCP V. Ông H còn phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền gốc là 26.017.625 đồng, kèm theo tiền lãi phát sinh. Các tình tiết trên đây đã được thông báo đến bị đơn nhưng đương sự không có ý kiến phản hồi nên căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định các tình tiết trên là sự thật.

[4] Xét trong quá trình thực hiện hợp đồng tính từ ngày 05/12/2017 cho đến nay ông Đào Trọng H không thanh toán bất kỳ khoản tiền nợ vốn, lãi cho Ngân hàng TMCP V là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã thỏa thuận ký kết, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật các tổ chức tín dụng.

[5] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP V buộc ông Đào Trọng H và bà Trần Xuân X thanh toán tính đến ngày 26/11/2019 là 69.892.219 (Sáu mươi

chín triệu tám trăm chín mươi hai ngàn hai trăm mười chín) đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 27/11/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng Điện tử và vay vốn; Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng Điện tử.

Xét ông Đào Trọng H là người trực tiếp thực hiện các giao dịch tín dụng với Ngân hàng thể hiện tại Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng Điện tử và vay vốn do ông Đào Trọng H là bên vay ghi và ký tên; Tại Giấy lĩnh tiền (số bút toán TT1609318678 ngày 02/4/2016) và bảng kê chi VND ngày 02/4/2016 ông Đào Trọng H là người ký lĩnh tiền.

Việc Ngân hàng cho rằng tại Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng Điện tử và vay vốn ngày 30/3/2016 ông Đào Trọng H có cung cấp thông tin tại phần II Thông tin gia đình có vợ là Trần Xuân X. Nên Ngân hàng yêu cầu Toà án buộc bà Trần Xuân X có nghĩa vụ cùng với ông Đào Trọng H thanh toán khoản vay trên cho Ngân hàng. Nhưng Ngân hàng TMCP V không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh giữa bà X và ông H có kinh doanh chung; sự đồng thuận của bà X và ông H cùng nhau thực hiện giao dịch tín dụng trên; trách nhiệm của bà X, mối quan hệ hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bà X cũng như mối quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà X.

Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chứng minh: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

Nên yêu cầu của Ngân hàng buộc bà X cùng ông H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ vay theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng Điện tử và vay vốn của ông Đào Trọng H ghi ngày 30/3/2016, Ngân hàng ký vào ngày 31/3/2016 là không có cơ sở chấp nhận.

Do đó ông Đào Trọng H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền là 69.892.219 (Sáu mươi chín triệu tám trăm chín mươi hai ngàn hai trăm mười chín) đồng, trong đó: tiền gốc là 26.017.625 (Hai mươi sáu triệu không trăm mười bảy ngàn sáu trăm hai mươi lăm) đồng và lãi là 43.874.594 (Bốn mươi ba triệu tám trăm bảy mươi bốn ngàn năm trăm chín mươi bốn) đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 27/11/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng Điện tử và vay vốn; Bộ điều khoản

và điều kiện về vay tiêu dùng, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng Điện tử.

[5] Xét về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Đào Trọng H phải chịu án phí trên tổng số tiền thanh toán cho Ngân hàng TMCP V.

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng; Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc ông Đào Trọng H có nghĩa thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền là 69.892.219 (Sáu mươi chín triệu tám trăm chín mươi hai ngàn hai trăm mười chín) đồng theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng Điện tử và vay vốn lập ngày 31/03/2016; Trong đó: tiền gốc là 26.017.625 (Hai mươi sáu triệu không trăm mười bảy ngàn sáu trăm hai mươi lăm) đồng và tiền lãi là 43.874.594 (Bốn mươi ba triệu tám trăm bảy mươi bốn ngàn năm trăm chín mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 26/11/2019 ông Đào Trọng H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP V thì lãi suất mà ông Đào Trọng H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất của Ngân hàng TMCP V.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Đào Trọng H phải chịu là 3.494.600 (Ba triệu bốn trăm chín mươi bốn ngàn sáu trăm) đồng.

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP V tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.522.000 (Một triệu năm trăm hai mươi hai ngàn) đồng theo biên lai thu số 0019594 ngày 10/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cửu Thị Mẫn